

Số: 143.../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày ...13... tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị Đồng Chủ-
Đồng Cầu, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định 17/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000; Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhã Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị Đồng Chủ - Đồng Cầu, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên

Căn cứ Công văn số /SXD-QHKT ngày / /2019 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc thống nhất quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị Đồng Chủ - Đồng Cầu, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên.

Xét Báo cáo thẩm định số 08/BC-KTHT ngày 12 tháng 02 năm 2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị Đồng Chủ- Đồng Cầu, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (có đồ án quy hoạch chi tiết kèm theo), với nội dung sau:

1. Vị trí, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực lập quy hoạch:

a. Vị trí, ranh giới khu đất:

* **Vị trí:** Khu vực lập quy hoạch nằm ở phía Tây thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên (thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên), thuộc địa phận khu Thiêm và khu Nguộn của thị trấn Cao Thượng.

* **Ranh giới nghiên cứu:**

- Phía Bắc: Giáp khu dân cư chùa Dấu và ruộng canh tác;
- Phía Nam: Giáp khu dân cư thôn Nguộn;
- Phía Đông: Giáp ruộng canh tác;
- Phía Tây: Giáp đường tỉnh 298.

b. **Quy mô đồ án:**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 11,24ha.
- Quy mô dân số khoảng 2000 người.

c. **Tính chất:** Là Khu đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ được thực hiện theo hình thức cân đối với dự án BT đường tỉnh 294, trong Khu đô thị bố trí các công trình chức năng cấp khu ở như: Khu dân cư, cây xanh, nhà văn hóa, trường học... đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân địa phương và các vùng lân cận.

2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

a. **Dân số:** Quy mô dân số khoảng 2.000 người.

b. **Đất đai:**

- Đất nhà ở biệt thự: 250 - 350 m²/lô;
- Đất nhà ở liền kề: 80 - 120 m²/lô;
- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại: 1,5 m²/người;
- Đất giao thông nội thị: 10-15%;
- Đất cây xanh: 5 - 7 m²/người.

c. **Hạ tầng kỹ thuật:**

- **Cấp điện:**

- + Nhà ở liền kề: 6 kw/hộ;
- + Nhà ở biệt thự: 8 kw/hộ;
- + Công trình công cộng: 15-30 W/ m² sàn.

- **Cấp nước:**

- + Cấp nước sinh hoạt: 80-100 lít/người/ngày đêm;

- **Thoát nước bẩn:** ≥ 80% chỉ tiêu cấp nước.

- **Chất thải rắn:** 0.9 kg/người/ ngày.

3. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở		45.184	40,18
1	Đất ở liền kề	LK	36.510	32,46
2	Đất ở biệt thự	BT	2.532	2,25

3	Đất công trình hỗn hợp cao tầng (văn phòng, khách sạn, dịch vụ thương mại kết hợp ở cao tầng)	HH	6.142	5,46
II	Đất công trình công cộng		4.900	4,36
1	Đất kinh doanh thương mại dịch vụ	TM	1.419	1,26
2	Đất văn hóa thể dục thể thao	VH	1.182	1,05
3	Đất giáo dục	GD	2.299	2,04
III	Đất cây xanh	CX	8.551	7,60
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	KT	3.688	3,28
V	Đất giao thông	GT	42.880	38,13
VI	Đất bãi đỗ xe	P	1.115	0,99
	Tổng		112.460	100,00

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

4.1. Các nguyên tắc tổ chức không gian.

- Khu vực xây dựng mới có hệ thống hạ tầng đồng bộ, kiến trúc hiện đại và có môi trường cảnh quan đẹp tạo được nét đặc trưng riêng;
- Bố trí các công trình công cộng trên các trục đường chính tạo điểm nhìn đẹp đảm bảo bán kính phục vụ;
- Hệ thống cấp điện và các đường ống khác chạy qua khu đất quy hoạch phải dịch chuyển theo tuyến đường quy hoạch để đảm bảo thuận lợi cho sinh hoạt và mỹ quan khu vực;
- Thông tin bưu điện, cấp nước và thoát nước phải được tiếp nối vào từng lô đất xây dựng một cách thuận lợi;
- Chất thải rắn phải được thu gom và xử lý, hạn chế đến mức cao nhất ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng cũng như vận hành.

4.2. Định hướng tổ chức không gian.

- Khai thác 02 tuyến đường theo quy hoạch chung và DT 298, mở các tuyến đường phân khu vực của dự án kết nối nhau và đường hiện trạng khu dân cư cũ tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh, lưu thông thuận lợi, phục vụ tốt nhu cầu đi lại cho khu dân cư mới và dân cư cũ.

- Trên cơ sở mạng lưới giao thông này, tổ chức các không gian chức năng ở, công cộng, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khác như sau.

- + khu ở mới bố trí phân đều toàn bộ khu đất dự án
- + khu công cộng bố trí tại trung tâm các tiểu khu ở
- + khu cây xanh bố trí phân tán trong các tiểu khu ở và các lô đất xen kẽ

+ khu hạ tầng kỹ thuật được đi chìm trong các hào cáp kỹ thuật. công trình hạ tầng bố trí các vị trí thuận lợi, tiện ích và phải đảm bảo mỹ quan đô thị.

4.3. Tổ chức không gian các công trình nhà ở

+ Nhà ở liền kề được bố trí tiếp cận các trục đường trục chính cao tối đa 5 tầng, kiến trúc mặt ngoài hài hòa giữa hiện đại với cổ điển tạo cho đô thị có không gian kiến trúc hiện đại, sang trọng. Kích thước lô đất (rộng 5÷7 m x dài 16÷18 m); ≤5 tầng; DT 80÷120 m².

+ Biệt thự, nhà vườn được bố trí đối diện với công trình giáo dục và khuôn viên cây xanh. Diện tích tối thiểu 250 m². Mật độ xây dựng tối đa 70%, tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Khu dân cư hiện trạng cơ bản giữ nguyên vị trí như hiện trạng, định hướng kiến trúc nhà ở dạng nhà vườn, mái dốc, không xây dựng dạng kiến trúc nhà liền kề lô phố. Tầng cao tối đa 3 tầng.

4.4. Tổ chức không gian công trình công cộng

+ Nhà văn hóa được bố trí tại phía nam dự án, nằm trong lõi trung tâm tiểu khu ở kết hợp với bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh, hồ điều hòa tạo điểm nhấn đẹp, hiện đại cho không gian kiến trúc cảnh quan khu ở mới, thuận lợi cho người dân tiếp cận, sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa, văn nghệ cho nhân dân, chiều cao tối đa 2 tầng. MĐXD tối đa 40%.

+ Công trình nhóm lớp mầm non được bố trí phía bắc dự án. Gồm các khối lớp học, nhà quản lý, sân chơi, vườn cổ tích, các không gian vui chơi thể thao ngoài trời cho trẻ. Không xây tường rào đặc phía cổng chính và phía có các mặt đứng chính của khối lớp học, nhà hiệu bộ, Chỉ xây tường rào gạch phía mặt sau các công trình, mật độ xây dựng 25÷40%, cao tối đa 2 tầng. Khoảng lùi tối thiểu 3,0 m.

4.5. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước, sân vui chơi, thể thao

Gồm 02 khu cây xanh, hồ sinh thái kết hợp sân thể thao phân bố đều trong dự án, đảm bảo bán kính phục vụ người dân đô thị mới và dân cư hiện hữu.

Đây là nơi nghỉ ngơi, thư giãn, luyện tập thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, giao lưu cộng đồng, góp phần làm giảm áp lực công việc cho người dân đô thị sau một ngày lao động. khuôn viên được thiết kế trồng cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, chòi nghỉ, ghé ngồi, các thiết bị luyện tập TDTT và vui chơi cho trẻ em, mật độ xây dựng tối đa 10%.

+ Khu số 1 nằm phía nam của dự án, là khu cây xanh kết hợp hồ nước tạo thành hồ sinh thái cải thiện vi khí hậu và điều hòa thoát nước khu vực.

+ Khu số 2 phía bắc dự án giáp trường mầm non mới, kết hợp thành không gian công cộng giáo dục và cây xanh. Phục vụ vui chơi, giải trí, học tập ngoài trời cho các cháu mầm non và người dân khu vực.

4.6. Tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật

+ Đường chính, đường nội bộ và bãi đỗ xe tĩnh được tổ chức trồng cây xanh bóng mát, đèn chiếu sáng đường, nâng cao tỷ lệ cây xanh, làm đẹp cảnh quan đô thị.

+ Không gian các công trình cấp thoát nước, được bố trí đi ngầm dưới vỉa hè, phía sau nhà ở. Hệ thống đường dây cấp điện được bó gọn trong hào cáp, tuy nèn, đi ngầm dưới vỉa hè, cống thoát nước, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và đảm bảo an toàn cho người dân.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

1.1. San nền:

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền không chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch.

- Cốt san nền thấp nhất là +10,65 m; cốt san nền cao nhất là +12,6 m.

* *Thiết kế san nền: Chia làm 2 bước:*

+ Thiết kế san nền giai đoạn sơ bộ nhằm dự trừ khối lượng đất san nền trong phạm vi của dự án tới cao độ xây dựng, tính khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 30*30m;

+ San nền chi tiết: Khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ thiết kế chi tiết san nền từng lô cụ thể, hoàn thiện sân đường nội bộ. Khối lượng san nền sơ bộ như sau:

- Khối lượng đào: 292,15 m³;

- Khối lượng đắp: 149.264,15 m³;

- Diện tích đào: 1362,65 m²;

- Diện tích đắp: 107.385,13 m².

5.2. Giao thông:

5.2.1. Mạng lưới:

Mạng lưới đường của khu đô thị được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong khu đô thị.

5.2.2. Hệ thống đường:

- Đường đối ngoại: Mặt cắt (1-1) của đường tỉnh 298 là 32,0 m; trong đó lòng đường tỉnh 298 là 2x7,5m; dải phân cách 4,0m; hè đường 2x6,5m.

+ Đường chính khu vực: Mặt cắt (2-2) rộng 36,0 m; trong đó lòng đường là 2x9,0m; dải phân cách 6,0m, hè đường mỗi bên rộng 6,0m.

+ Đường khu vực: Mặt cắt (3-3) rộng 22,0 m; trong đó lòng đường là 12,0m; hè đường mỗi bên rộng 5,0m.

+ Đường nội bộ: Mặt cắt (4-4) là 16,5m; trong đó lòng đường 7,5 m; hè đường 2 bên 2x4,5m=9,0m.

* *Các công trình phục vụ giao thông:*

Bãi đỗ xe:

Bố trí bãi đỗ xe công cộng, kết hợp với khu cây xanh, vườn hoa trong các khu ở và công trình công cộng.

5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

** Nguồn nước:*

Nguồn cấp nước cho khu quy hoạch: Hiện tại khu vực thị trấn Cao Thượng đã có hệ thống cung cấp nước sạch.

** Giải pháp thiết kế:*

- Lắp đặt mạng lưới cấp nước, căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống lớn nhất là D110 và nhỏ nhất là D50, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống được lắp đặt phía trước nhà và có đồng hồ van chặn để tiện cho công tác quản lý. Không lắp đặt van xả khí trên mạng lưới vì các họng lấy nước của các hộ tiêu thụ có nhiệm vụ thay thế van xả khí.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp nhánh cụt xương cá. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D63.

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu 0.6 m, qua đường là 0.7-0.8m.

5.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước

5.4.1 Giải pháp thiết kế

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

- Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát theo hướng từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, qua hệ thống cống B2000 hiện trạng qua đường tỉnh 298 đổ ra mương đất hiện trạng, mương đất được chuyển ra mương lớn.

- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30-40 (m).

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

- Hố ga được xây bằng gạch bê tông không nung, đáy hố ga đổ bê tông M200 dày 20cm trên lớp đá dăm dày 10cm. Nắp hố ga là tấm đan BTCT dày 10cm đổ tại chỗ.

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400- B3000.

5.4.2. Hệ thống thoát nước thải.

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt, được thoát vào mạng lưới thoát nước thải rãnh thu B400 sau nhà, thu về hố ga theo hệ thống cống thoát nước HDPE D300 gân xoắn 2 lớp vào bể lắng nước thải.

- **Hướng thoát nước:** Hướng thoát nước thải thoát theo hướng Đông sang Tây, vào bể lắng nước thải.

- độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

- Hệ thống giếng thăm được bố trí cách nhau 20-30 (m)

- Lưu lượng nước thải được tính bằng 90% lưu lượng nước cấp:

$$Q = 90\% * 261 = 235 \text{ m}^3 / \text{ngđ.}$$

- Nước thải được đưa về bể lắng nước thải với công suất của bể là $235 \text{ m}^3 / \text{ngđ.}$

- Nước thải sau xử lý lắng được đưa vào cống thoát nước BTCT-D800, thoát ra hố ga vào hệ thống thoát nước mưa.

5.4.3. Hệ thống cấp thoát nước hoàn trả cho khu vực xung quanh

- Do vị trí quy hoạch của khu dân cư nằm hoàn toàn trên diện tích đất canh tác nông nghiệp, khi san lấp mặt bằng đã làm mất đi một phần hệ thống kênh mương nội đồng của khu vực ruộng, xung quanh quy hoạch còn một số diện tích ruộng đồng canh tác, vì vậy để đảm bảo điều kiện nước tưới tiêu cho sản xuất và canh tác, cần thiết kế hoàn trả lại hệ thống mương tưới nội đồng.

- Giải pháp thiết kế: Xây dựng đầu nối lại một phần hệ thống mạng lưới hệ thống mương tưới để cấp nước tưới phục vụ khu vực ruộng ở phía Nam bên cạnh đường ĐT 298.

- Tại vị trí hố ga đầu nối tuyến cống thoát nước mưa vào tuyến cống hoàn trả mương tưới, bố trí hệ thống van một chiều, van đóng mở đảm bảo được tiêu thoát nước được tốt nhất.

5.5. Cấp điện

5.5.1 Nguồn điện:

- Phương án cấp điện: Khu vực được cấp điện từ nguồn điện của mạng lưới Quốc gia cung cấp thông qua trạm 110KV Đình Trám có công suất 80000kva và trạm trung gian Cao Xá;

- Vị trí đầu dự kiến tại lộ 375 e7.7 điểm đầu tại vị trí cột xây mới dịch chuyển

- Toàn bộ khu vực quy hoạch 02 trạm biến áp kiot có công suất phù hợp theo tiêu chuẩn về diện tích phục vụ có công suất mỗi trạm TBA-01 2X 560kVA TBA-02: 2X400kVA

5.5.2. Lưới điện:

- *Lưới điện trung thế 35kV:*

+ Nằm trong khu vực nghiên cứu có đường dây 35kV đi qua dự án từ vị trí cột 375 e7.7-132 đến vị trí cột 375 e7.7-134

+ Dịch chuyển tuyến trung thế đi qua dự án từ cột 375 e7.7-132 đến 375 e7.7-134 lên via hệ giao thông của đồ án quy hoạch bằng các vị trí cột xây mới để đảm bảo tính mỹ quan

- *Lưới điện hạ thế:*

+ Trên cơ sở trạm biến áp đó thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm.

+ Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm tiết diện XLPE-185, XLPE-150, XLPE-120, XLPE-95, XLPE-70, XLPE-50 đi trong tuynel hoặc trong hào kỹ thuật.

+ Bán kính lưới hạ thế không quá 300 m trong khu quy hoạch, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

+ Đường dây 0,4kV xây dựng mới đi ngầm dài 2629 m.

- *Lưới điện chiếu sáng:*

+ Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao từ 7÷10 m tùy theo mặt cắt ngang đường. Dây dẫn dung cấp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10. Có tổng chiều dài là 2418 m.

+ Hệ thống đường dây chiếu sáng được bố trí đi ngầm trên vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu dân cư.

+ Đèn chiếu sáng dùng đèn cao áp 150W có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Độ dọi:

+ Đường chính: 0,8÷1cd/m².

+ Đường khu vực: 0,6÷0,8cd/m².

+ Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ 30÷50m.

5.6 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

- Hệ thống hào cáp có đặt sẵn ống PVC dùng để đi các đường cáp điện sinh hoạt cho các lô nhà và đường cáp thông tin. Hào cáp được đặt trong vỉa hè của đường, ống luồn dây cáp điện dùng loại; Ống nhựa xoắn chịu lực D130/100 luồn cáp điện lực, ống nhựa chịu lực HDPE D110 luồn cáp thông tin và ống thép D100, D150 cho các đoạn cáp đi trong hào qua đường. Trên hệ thống hào cáp kỹ thuật có bố trí các hố ga và khoảng cách các hố ga kỹ thuật tùy thuộc vào địa hình;

- Hiện trạng khu vực quy hoạch có đường thông tin chạy qua sẽ được hạ ngầm và đầu tra để đảm bảo mỹ quan khu vực quy hoạch;

- Toàn bộ các tủ đầu cáp, hệ thống cáp, các thiết bị đầu cuối sẽ tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ;

- Tổng nhu cầu thuê bao thông tin liên lạc của toàn bộ khu dân cư khoảng 439 thuê bao. Hệ thống đường cáp thông tin được thiết kế đi ngầm trong hệ thống ống HDPE, đảm bảo mỗi hộ có 01 đường cáp quang băng thông rộng có tích hợp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin.

6. Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa đều được bố trí trên phần đất hè đường quy hoạch.

7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (giao thông, san nền, điện, nước, bãi xe).

- Khuôn viên cây xanh cảnh quan.
- Công trình công cộng (Nhà văn hóa).

8. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 02/BC-KTHT ngày 12/02/2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Yên và thuyết minh quy hoạch chi tiết kèm theo.

Điều 2. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý quy hoạch có trách nhiệm quản lý, giám sát tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND huyện, phòng KT&HT, TC-KH, TN-MT, Trung tâm PTQĐ&CCN huyện; UBND thị trấn Cao Thượng và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *U*

Nơi nhận:

- Lưu: VT;

Bản điện tử:

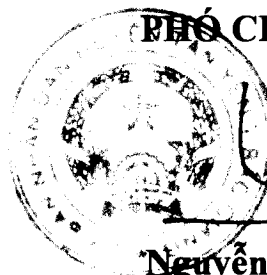
- Như điều 3;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Lai